

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/10/2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Ông Trần Văn Ân.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số nhà 95/2, ấp T, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số nhà 37, ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và bị đơn là anh Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/7/2008. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Cường thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn và chăm lo cho gia đình, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn quan tâm lẫn nhau nữa. Thời gian mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2006 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ. Trong quá trình ly thân, anh C cũng không quan tâm đến vợ con. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Trong quá trình chung sống chị và anh C có 02 con chung tên Trần Nguyễn Nhã Ph, sinh ngày 14/6/2008 và Trần Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 01/5/2010. Hiện cháu Nhã Ph đang sống chung với anh C, cháu Bảo Q đang sống chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 04/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh về thời gian kết hôn, về con chung và về tài sản chung, nợ chung.

Anh không đồng ý việc vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như vợ anh trình bày, theo anh mâu thuẫn không đến mức trầm trọng để dẫn đến việc vợ chồng ly hôn. Anh cũng nhận thấy thời gian vợ chồng sống chung bản thân anh có nhiều thiếu sót nhưng anh vẫn còn thương vợ, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Trần Văn C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Cường.

- *Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị G sống chung với nhau vào năm 2008. Hôn nhân của anh chị do tự nguyện và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 07/7/2008 tại Ủy Ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, hôn nhân giữa anh C và chị G là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian dài đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Theo chị G thì nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn và chăm lo cho gia đình, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn quan tâm lẫn nhau nữa. Thời gian mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2006 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ. Trong quá trình ly thân, anh C cũng không quan tâm đến vợ con. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị G đã trầm trọng vì anh C và chị G đã sống ly thân với nhau vào năm 2016 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ, chăm sóc với nhau như vợ như chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh C và chị G đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng chị G cương quyết ly hôn, không đồng ý

đoàn tụ. Như vậy, đời sống chung giữa anh C và chị G không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp.

Đối với yêu cầu xin đoàn tụ của anh C là không có cơ sở chấp nhận vì thời gian anh và chị G sống ly thân với nhau, anh và chị G không quan tâm nhau, mỗi người sống một nơi và chị G đã cương quyết xin ly hôn nên không thể chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh C được.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh C và chị G có 02 con chung tên Trần Nguyễn Nhã Ph, sinh ngày 14/6/2008 và cháu Trần Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 01/5/2010. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị G và anh C sống ly thân cho đến nay, chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Bảo Q và anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Nhã Ph. Cả chị G và anh C vẫn đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ. Mặt khác, cả hai con chung của anh C và chị G đều trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cả hai cháu, cháu Trần Nguyễn Nhã Ph muốn sống chung với cha và cháu Trần Nguyễn Bảo Q muốn sống với mẹ khi cha mẹ không còn chung sống với nhau nữa. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị G và không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung chưa thành niên.

Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị G và anh C mỗi người đang trực tiếp nuôi dưỡng một con chung chưa thành niên và cũng không có yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của anh C và chị G nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh C cùng khai không có và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G. Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn C có 02 con chung tên Trần Nguyễn Nhã Ph, sinh ngày 14/6/2008 và Trần Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 01/5/2010. Anh C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Nhã Ph; Chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo

dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Bảo Q. Chị Gọi và anh C đều không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị G và anh C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị G và anh Trần Văn C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011774 ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện T;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thế Trang Đền